

QUYẾT ĐỊNH
Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án cơ sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 và số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020);

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 3 tại Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5941/TTr-TNMT-QLĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 3 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. VTS (P.6-7-8 cũ)	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Đất nông nghiệp	NNP													
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	492,27	14,76	15,31	15,48	30,75	24,81	219,75	44,38	16,01	47,73	16,34	16,43	30,53
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,59		0,01		0,04		1,97	0,11				0,47	
2.2	Đất an ninh	CAN	1,41				0,55	0,05	0,74					0,07	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK													
2.4	Đất khu chế xuất	SKT													
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	29,45	0,06	0,70	0,42	1,56	1,31	21,70	1,28	0,01	1,25	0,26	0,52	0,38
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,71	0,001	0,05		0,01		0,89	1,02		0,71		0,03	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	185,10	5,85	5,39	4,62	10,78	8,14	86,91	19,19	5,16	20,49	5,04	5,03	8,50
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,35					0,02	2,33						
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL													
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA													
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT													
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	217,94	7,30	8,84	10,25	17,13	14,55	71,25	18,52	10,53	22,49	9,84	8,94	18,29
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,06	0,18	0,09	0,10	0,14	0,13	20,96	1,07	0,10	0,06	0,06	0,05	0,12

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. VTS (P.6-7-8 cũ)	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,95	0,01	0,06		0,07	0,45	0,29	0,05					0,02
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	2,94						2,90	0,03					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	10,59	0,09	0,10	0,07	0,37	0,03	6,35	1,55	0,23	0,42	0,68	0,03	0,66
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,26						0,26			0,01			
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX													
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,23	0,01	0,03	0,02	0,029	0,02	0,08	0,01	0,001	0,01	0,01	0,01	0,01
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,04	1,25					0,12			0,18			0,49
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,51		0,04		0,06	0,10	0,10		0,01	0,02			0,19
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	10,17						2,90	1,55		2,10	0,45	1,28	1,89
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC													
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK													
3	Đất chưa sử dụng	CSD													
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN													
5	Đất khu kinh tế*	KKT													
6	Đất đô thị*	KDT*	492,27	14,76	15,31	15,48	30,75	24,81	219,75	44,38	16,01	47,73	16,34	16,43	30,53

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. VTS (P. 6-7-8 cũ)	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)													
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)													
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,27			0,01	0,03			0,50	0,07		0,70		

4. Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng 2021:

Trên địa bàn Quận 3 không có diện tích đất chưa sử dụng.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân Quận 3:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Cập nhật các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được duyệt vào Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo sự đồng bộ thống nhất.

- Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Chịu trách nhiệm về danh mục hộ gia đình, cá nhân đăng ký kế hoạch sử dụng đất và tính pháp lý, vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và không khiếu nại; chịu trách nhiệm về đề xuất tiếp tục đăng ký các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đối với các dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất từ năm 2018 trở về trước.

- Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân Quận 3 có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 3 và các Sở ngành có liên quan tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định này.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện báo cáo kết quả kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ hàng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Các Sở, Ban, Ngành có liên quan: Phối hợp và chủ động thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ đảm bảo kế hoạch sử dụng đất được triển khai thực hiện hiệu quả.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT, (ĐT/PTH) *jo.*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hòa Bình